

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HS-ST

Ngày: 20-4-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Huỳnh Thị Thùy Trâm

+ Bà Bùi Thị Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tụ – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Thị Bé T, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1991, tại xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Nghề nghiệp: Nông; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12;

Dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Võ Hữu C, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1960;

Chồng: Nguyễn Văn C1, sinh năm 1990;

Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Bạch T1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn T1, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Võ Hữu C, sinh năm 1956; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh

Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bà Võ Thị N (tên gọi khác: D), sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

3. Bà Phùng Thị D1, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1943; nơi cư trú: Thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 07/10/2022, trên đường đón con đi học về, Võ Thị Bé T thấy gia đình bà Nguyễn Thị Bạch T1 đang thu dọn rạp đám cưới, lúc đó thấy nhân viên dịch vụ nấu đám cưới Ngọc D cũng đang dọn rạp nên T biết bà D (tên thật là Võ Thị N) là người nấu đám cho gia đình bà T1.

Sáng ngày 08/10/2022, khi T đi chợ thì gặp bà N (tức D) cũng đang đi chợ. Qua nói chuyện, T biết ngày 09/10/2022 bà N sẽ đi xã Phổ An, thị xã Đức Phổ để nấu đám cưới. Vì vậy, T nhận định khả năng bà T1 vẫn chưa trả tiền nấu đám cưới cho bà D nên nảy sinh ý định lừa bà T1 để lấy tiền mà bà D nấu đám cưới cho bà T1. Chiều ngày 09/10/2022, tại nhà ông Võ Hữu C (cha đẻ của T), T đã tháo sim điện thoại (số 0935220801 mạng mobifone của ông C) gắn vào điện thoại di động Samsung của T.

Khoảng 20 giờ ngày 09/10/2022, T đến mượn xe mô tô nhãn hiệu HONDA LEAD, màu sơn vàng đen, biển số kiểm soát 59D1-231... của bà Phùng Thị D1 để đi mua thuốc cho con tại ngã tư Thạch Trụ. Sau khi mua thuốc xong, T sử dụng điện thoại di động Samsung có số điện thoại 0935220801 gọi đến số điện thoại 0366335028 của bà T1, T nói: *“Em D nè, tiền nấu đám của em, chị đưa cho cháu bà con của em mượn đỡ 20.000.000đồng để nó lo cho bà ngoại nó đang cấp cứu, do em đang nấu đám ở Phổ An không mang tiền theo và không về lấy tiền được, còn lại thì chị em mình tính sau”*. Lúc đó, bà T1 nghe giọng giống bà D nên tin và trả lời: *“Ừ”*. Sau đó T tắt máy. Khoảng 05 phút sau, T tiếp tục gọi điện thoại cho bà T1 (vẫn sử dụng số điện thoại 0935220801 gọi đến số điện thoại 0366335028) giả là bà D để hỏi bà T1 đang ở đâu thì bà T1 nói đang ở nhà cha và bà T1 chỉ đường để đến nhà cha bà T1, T có nói với bà T1 thông tin đưa cháu sẽ đến lấy tiền là đi xe mô tô hiệu LEAD cho bà T1 biết. Sau khi biết được vị trí bà T1, T điều khiển xe đi về hướng xã P, thị xã Đ. Khi thấy T đi ngang qua trước nhà thì bà T1 gọi lại, bà T1 nói T vào nhà để đưa tiền nhưng T vừa khóc vừa nói: *“Chị đưa tiền cho em đi luôn chứ chưa biết ngoại em sống chết ra sao”*. Thấy T khóc và lúc đó trời cũng đang mưa to nên bà T1 vào nhà lấy số tiền 20.000.000đồng đưa cho T,

bà T1 bảo T đếm lại nhưng T nói “*Thôi để em lo chạy về chứ mưa gió*” và điều khiển xe đi. Đi được một đoạn, T dừng lại và sử dụng số điện thoại 0935220801 gọi đến số điện thoại 0366335028 hỏi bà T1 “*Chị đưa tiền cho cháu em chưa, nó lên lấy tiền chưa*” thì bà T1 nói: “*Đưa rồi, nó khóc như ma vậy đó*”, Thi giả giọng bà D nói: “*Đúng rồi đó chị, ngoại nó đang hấp hối mà*”, rồi tắt máy và chạy về trả xe cho bà D1. Sau đó, T về nhà kiểm tra số tiền bà T1 mới đưa, xác định đủ 20.000.000 đồng thì cất giấu số tiền trong tủ đồ. Đến ngày 28/10/2022, bà Nguyễn Thị Bạch T1 gửi đơn tố giác hành vi của Võ Thị Bé T.

Tại cáo trạng số 09/CT-VKS-ĐP ngày 14/3/2022, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Võ Thị Bé T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Thị Bé T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Võ Thị Bé T từ 12 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo.

Đối với ông Võ Hữu C, là chủ sở hữu số thuê bao 0935220801; bà Phùng Thị D1, là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 59D1-231.... Tuy nhiên, ông C và bà D1 không biết việc bị cáo T sử dụng số thuê bao và xe mô tô trên để thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét, xử lý.

Về dân sự: Bị cáo đã khắc phục hậu quả, hoàn trả số tiền 20.000.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị Bạch T1, bị hại không yêu cầu bồi thường về dân sự nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Samsung màu bạc (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong);

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại mobifone có số seri: 1171133004859;

- Trả lại cho bị cáo Võ Thị Bé T số tiền 20.000.000 đồng theo ủy nhiệm chi ngày 20/3/2023.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Đức Phổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị Bé T và những người tham gia tố tụng đều không có ý

kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Võ Thị N, Phùng Thị D1 và những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ theo quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Võ Thị Bé T đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo Võ Thị Bé T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định: Do muốn chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị Bạch T1 nên ngày 09/10/2022, Võ Thị Bé T đã sử dụng số điện thoại của ông Võ Hữu C (cha đẻ của Thi) để gọi cho bà T1, dùng các thủ đoạn gian dối, giả mạo bà Võ Thị N (tên gọi khác là D), đưa ra những thông tin không đúng sự thật, làm cho bà T1 tin tưởng để lừa đảo, chiếm đoạt của bà T1 số tiền 20.000.000đồng.

[4] Khi thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt số tiền nêu trên của bà T1 thì bị cáo Võ Thị Bé T có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, bị cáo nhận thức được hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Giá trị tài sản mà bị cáo Thi đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bạch T1 là 20.000.000đồng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ truy tố bị cáo Võ Thị Bé T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi của bị cáo Võ Thị Bé T là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để răn đe, giáo dục bị cáo trong việc chấp hành pháp luật, cũng như để phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Võ Thị Bé T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Võ Thị Bé T đã thành khẩn khai báo về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, tự nguyện trả lại cho bị hại 20.000.000đồng để khắc phục hậu quả, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo khi quyết định hình phạt.

[7] Xét thấy, bị cáo Võ Thị Bé T có nhân thân tốt, mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Ngoài ra, hiện nay bị cáo Võ Thị Bé T đang nuôi 02 con nhỏ. Do đó, để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn nhưng áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo.

[8] Đối với ông Võ Hữu C, là chủ sở hữu số thuê bao 0935220801 và bà Phùng Thị D1, là chủ sở hữu xe mô tô biển kiểm soát 59D1-231.... Việc bị cáo Võ Thị Bé T sử dụng số thuê bao và xe mô tô nêu trên để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà T1 thì ông C và bà D1 hoàn toàn không biết. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với ông C và bà D1.

[9] Về dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo Võ Thị Bé T đã trả cho bị hại Nguyễn Thị Bạch T1 20.000.000đồng để khắc phục hậu quả, bà T1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Samsung màu bạc (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong). Đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Võ Thị Bé T, được bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của bà T1. Do đó, cần tịch thu, sung ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) sim điện thoại mobifone có số seri: 1171133004859. Đây là sim thuê bao thuộc sở hữu của ông Võ Hữu C. Việc bị cáo Võ Thị Bé T sử dụng sim điện thoại nêu trên để thực hiện hành vi lừa đảo, chiếm đoạt tài sản của bà T1 thì ông C hoàn toàn không biết. Tại phiên tòa, ông C không yêu cầu trả lại sim điện thoại nêu trên nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 20.000.000đồng mà bị cáo Võ Thị Bé T đã giao nộp trong quá trình xử lý tin báo. Đây là số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Bạch T1. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra bị cáo đã trả cho bà T1 20.000.000đồng để khắc phục hậu quả, bà T1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó, cần trả lại số tiền nêu trên cho bị cáo Võ Thị Bé T.

[11] Về án phí: Bị cáo Võ Thị Bé T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[13] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Bé T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Võ Thị Bé T 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/4/2023).

Giao bị cáo Võ Thị Bé T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92, Điều 68 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động Samsung màu bạc (điện thoại đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong);

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại mobifone có số seri: 1171133004859;

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 10/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã Đức Phổ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ).

- Trả lại cho bị cáo Võ Thị Bé T số tiền 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), theo ủy nhiệm chi ngày 20/3/2023 giữa Công an thị xã Đức Phổ và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

3. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Võ Thị Bé T phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- CQCSĐT Công an thị xã Đức Phổ;
- Cơ quan THAHS Công an thị xã Đức Phổ;
- Phòng NVLT Công an thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**(đã ký)****Lê Phong**

